

Chi tiết mã HS 8544.19.00

Mã HS	8544.19.00
Mô tả hàng hóa	Dây điện, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) có cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và các vật dẫn(*) có cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối / - Dây đơn dạng cuộn: / - - Loại khác
Đơn vị	m/chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 18:09:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85441900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16029
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16029
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16029
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15376
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15305
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15305
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15305
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15305
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15305
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15305
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15361
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15361
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15361
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15361

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15361
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15361
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15362
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15362
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15362
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15362
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15362
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15362
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15363
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15311
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15319
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15319
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15319
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15319
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15319
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15319
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15359
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15359
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15359
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15359
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15359
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15359
VCFTA	2022	2022	5	VC!D15421
VCFTA	2023	2023	5	VC!E15421
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15421
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15421

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15421
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15421
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15395
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15395
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15395
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15395
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15395
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15395
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15398
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15398
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15398
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15398
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15398
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15398
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D15404
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E15404
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F15404
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15404
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15404
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15404
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D15403
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E15403
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F15403
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15403
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15403
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15403

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15392
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15392
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15392
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15392
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15392
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15392
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15392
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15386
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15386
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15386
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15386
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15386
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15386
RCEP B	2022	2022	0	B!D15386
RCEP B	2023	2023	0	B!E15386
RCEP B	2024	2024	0	B!F15386
RCEP B	2025	2025	0	B!G15386
RCEP B	2026	2026	0	B!H15386
RCEP B	2027	2027	0	B!I15386
RCEP C	2022	2022	0	C!D15386
RCEP C	2023	2023	0	C!E15386
RCEP C	2024	2024	0	C!F15386
RCEP C	2025	2025	0	C!G15386
RCEP C	2026	2026	0	C!H15386
RCEP C	2027	2027	0	C!I15386
RCEP D	2022	2022	0	D!D15385

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15385
RCEP D	2024	2024	0	D!F15385
RCEP D	2025	2025	0	D!G15385
RCEP D	2026	2026	0	D!H15385
RCEP D	2027	2027	0	D!I15385
RCEP E	2022	2022	0	E!D15389
RCEP E	2023	2023	0	E!E15389
RCEP E	2024	2024	0	E!F15389
RCEP E	2025	2025	0	E!G15389
RCEP E	2026	2026	0	E!H15389
RCEP E	2027	2027	0	E!I15389
RCEP F	2022	2022	0	F!D15386
RCEP F	2023	2023	0	F!E15386
RCEP F	2024	2024	0	F!F15386
RCEP F	2025	2025	0	F!G15386
RCEP F	2026	2026	0	F!H15386
RCEP F	2027	2027	0	F!I15386
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F14350
VIFTA	2025	2025	1.7	VII!G14350
VIFTA	2026	2026	0	VII!H14350
VIFTA	2027	2027	0	VII!I14350

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh - cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh - cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed - Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8544.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh - cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8544.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16029), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.